

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HK2

MÔN TIN HỌC – KHỐI 10.

I. Trắc nghiệm

Câu 1: Cho đoạn chương trình sau:

```
def Tong(a,b):  
    T = a + b  
    return T
```

Khi thực hiện lệnh `5*Tong(3,3)` thì kết quả của đoạn chương trình là

- A. 24. B. 1. C. 32. D. 30.

Câu 2: Hàm `f` được khai báo như sau: `f(a,b,c)`. Các giá trị truyền qua tham số được gọi là đối số. Số lượng đối số của hàm `f` là

- A. 1. B. 3. C. 2. D. 4.

Câu 3: Cho đoạn chương trình sau:

```
def f(a,b):  
    k = a*b  
    return k
```

Khi thực hiện lệnh `f(5,4)` thì kết quả của đoạn chương trình là

- A. 10. B. 20. C. 4. D. 5.

Câu 4: Phương án nào sau đây là câu lệnh lặp với số lần biết trước?

- A. `while...` B. `for...` C. `if...` D. `range...`

Câu 5: Cho đoạn chương trình sau:

```
def tinh(a, b):  
    if(b != 0):  
        return a // b  
s = tinh(1, m)  
print(s)
```

Khi thực hiện đoạn chương trình trên thì chương trình sẽ báo lỗi ở dòng thứ

- A. 2. B. 5. C. 3. D. 4.

Câu 6: Cho đoạn chương trình Python sau:

```
a=list()  
for i in range(100):  
    a.append(i)  
print(len(a))
```

Phương án nào sau đây đúng kết quả chạy chương trình?

- A. 0 B. 101 C. 100 D. 99

Câu 7: Phương án nào đúng kiểu dữ liệu của biến `a` trong câu lệnh sau?

```
b = "5.4"
```

- A. `int`. B. `float`. C. `bool`. D. `str`.

Câu 8: Phương án nào đúng kiểu dữ liệu của biến `a` trong câu lệnh sau?

```
b = 5.4
```

- A. `bool`. B. `int`. C. `str`. D. `float`.

Câu 9: Biến chỉ sử dụng bên trong hàm được gọi là

- A. Biến cục bộ. B. Tham số thực sự.
C. Tham số hình thức. D. Biến toàn cục.

Câu 10: Để khởi tạo chuỗi s rỗng ta dùng lệnh

A. `s = '0'`.

B. `s = []`.

C. `s = ""`.

D. `s = 0`.

Câu 11: Phương án nào là phát biểu đúng?

A. Tham số đầu vào phải là số học và lớn hơn 0.

B. Hàm có thể không có tham số đầu vào.

C. Tham số đầu vào của hàm chỉ là các kiểu dữ liệu số học.

D. Hàm phải ít nhất một tham số đầu vào.

Câu 12: Cho đoạn chương trình sau:

```
def Hieu(a,b):  
    print(end = "")  
    H = a - b  
    return H
```

Khi thực hiện lệnh `Hieu(5,4)` thì kết quả của đoạn chương trình là

A. 5.

B. 4.

C. 3.

D. 1.

Câu 13: Cho đoạn chương trình sau:

```
def sqrt(x):  
    return x**0.5
```

Khi thực hiện lệnh `sqrt(9)` thì kết quả của đoạn chương trình là

A. 4.5.

B. 9.0.

C. 5.0.

D. 3.0.

Câu 14: Phần tử đầu tiên trong danh sách có số thứ tự là

A. 1.

B. 2.

C. 1.5.

D. 0.

Câu 15: Cho đoạn chương trình sau:

```
s = "THPT X "  
def kq(name):  
    s = "Hello World"  
    s = s + "!!!"  
    return s  
print(s)
```

Khi thực hiện chương trình thì kết quả của đoạn chương trình là

A. Hello World X.

B. THPT X.

C. X Hello World.

D. Hello World.

Câu 16: Phương án nào sau đây là câu lệnh lặp với số lần không biết trước?

A. `for...`

B. `if...`

C. `while...`

D. `range...`

Câu 17: Biến vừa sử dụng bên trong hàm và bên ngoài hàm được gọi là

A. Tham số hình thức.

B. Tham số thực sự.

C. Biến toàn cục.

D. Biến cục bộ.

Câu 18: Biến bên trong hàm được sử dụng từ khóa **global** thì

A. chỉ sử dụng được trong hàm đó.

B. thay đổi giá trị bên trong hàm thì giá trị bên ngoài thay đổi theo.

C. biến bên trong hàm không sử dụng được.

D. không nhận được giá trị bên ngoài hàm.

Câu 19: Cho đoạn chương trình Python:

```
def myfn(x):  
    cnt = 0  
    for i in x:  
        if i >= 0:  
            cnt = cnt + 1  
    return cnt  
a = [1,2,-5,-4,3]  
print(myfn(a))
```

Phương án nào là kết quả khi thực hiện đoạn chương trình trên?

A. 6

B. 1

C. 2

D. 3

Câu 20: Trong Python, hàm

A. chỉ là các đoạn chương trình có sẵn.

B. không được thay đổi.

C. chỉ là các đoạn chương trình do người dùng tự định nghĩa.

D. là đoạn chương trình thực hiện chức năng nào đó.

Câu 21: Trong Python, cho đoạn chương trình sau:

```
def is_ZERO(x):  
    return x == 0
```

Hàm *is_le_ZERO* trả về True nếu x

A. khác 0.

B. nhỏ hơn hoặc bằng 0.

C. nhỏ hơn 0.

D. bằng 0.

Câu 22: Xâu rỗng trong Python có độ dài bằng

A. 0.

B. 1.

C. 3.

D. 2.

Câu 23: Cho đoạn chương trình sau trong Python:

```
a = [1,2,3]*3  
print(a)
```

Phương án nào là kết quả khi thực hiện chương trình trên?

A. [1,1,2,2,3,3]

B. [1,2,3]

C. [1,2,3,*2]

D. [1,2,3,1,2,3,1,2,3]

Câu 24: Cho biết cú pháp thiết lập hàm có trả lại giá trị là:

def <...> (<tham số>):

< Khối lệnh >

return <giá trị trả về>

Nội dung trong <...> là

A. giá trị trả về.

B. Khối lệnh.

C. Tên hàm.

D. tham số.

Câu 25: Cho đoạn chương trình sau:

```
def S(a,b):
```

```
    f = a + b
```

```
    return f
```

Trong đoạn chương trình trên S được gọi là

A. Biến toàn cục.

B. Tham số thực sự.

C. Tên hàm.

D. Tham số hình thức.

Câu 26: Cho đoạn chương trình sau:

```
def Chuvi(a,b):
```

```
    S = (a+b)*2
```

```
    return
```

Phát biểu nào sau đây về đoạn chương trình trên là **sai**?

A. Tham số là a,#b.

B. Tên hàm là Chuvi.

C. Giá trị trả về là S.

D. Thực hiện thao tác: S = (a+b)*2.

Câu 27: Cho đoạn chương trình sau:

```
def f(a,b,c):
```

```
    return a + b + c
```

```
f(25,30,35)
```

```
u,t,v = 5,10,15
```

```
f(u,t,v)
```

Trong đoạn chương trình trên tham số của hàm f là

A. a,b,c.

B. 5,10,15.

C. u,t,v.

D. 25,30,35.

Câu 28: Cho đoạn chương trình sau:

```
def meeting():
```

```
    ten=input("Nhập họ tên:")
```

```
    print("Xin chào", ten)
```

```
meeting()
```

Khi thực hiện chương trình "Nhập họ tên:Hương" thì kết quả của đoạn chương trình là

A. Hương: Xin chào.

B. Hương Xin chào.

C. Xin chào Hương.

D. Xin chào: Hương.

Câu 29: Cho đoạn chương trình sau:

```
def f(x,y):
```

```
    z = x+y
```

```
    return x*y*z
```

```
print(f(30,30))
```

Kết quả của đoạn chương trình là

A. 54000.

B. 5400.

C. 9000.

D. 90000.

Câu 30: Trong Python, cho đoạn chương trình sau:

```
if x>0:
    print("Hello")
```

Phương án nào sau đây là kết quả khi thực hiện đoạn chương trình trên?

A. Thông báo lỗi.

B. Hello.

C. True.

D. False.

Câu 31: Cho đoạn chương trình sau:

```
for i in range(1,6):
```

```
    print(i, end = "")
```

Kết quả của đoạn chương trình là

A. 0123456.

B. 123456.

C. 012345.

D. 12345.

Câu 32: Cho hàm sau trong Python:

```
def noname(x,y):
    return (x + y)//2
print(noname(2,3))
```

Phương án nào sau đây là kết quả in ra màn hình khi thực hiện đoạn chương trình trên?

A. 7

B. 2

C. (2+3)//2

D. 2.5

Câu 33: Phương án nào là biểu thức đúng của biểu thức toán học bên dưới?

$$\frac{-b+c}{a^2} + d$$

A. $(-b+c)/(a*a)+d$

B. $(-b+c)/a*a+d$

C. $-b+c/a*a+d$

D. $-b+c/a/a+d$

Câu 34: Cho đoạn chương trình sau trong Python:

```
def f(x):
    x = x + 1
    return x*x
```

Phương án nào nêu đúng ý nghĩa của hàm trên?

A. Chương trình thông báo lỗi.

B. Tính giá trị $(x-1)^2$.

C. Tính giá trị x^2 .

D. Tính giá trị $(x+1)^2$.

Câu 35: Cho đoạn chương trình:

```
s="tin hoc van phong"
```

```
a=s.split(' ')
```

```
print(len(a))
```

“Kết quả in lên màn hình khi chạy chương trình là

A. 17.

B. 4.

C. 0.

D. 3.

Câu 36: Trong Python, câu lệnh nào sau đây dùng để khai báo một danh sách rỗng?

A. `ds = [ ]`

B. `ds = { }`

C. `ds = [0]`

D. `ds = {0}`

Câu 37: Lệnh nào sau đây dùng để tách xâu thành danh sách?

A. `split()`.

B. `copy()`.

C. `join()`.

D. `remove()`.

Câu 38: Cho câu lệnh Python sau:

```
a = "Tin học 2024 – Châu Văn Liêm"
```

Phương án nào sau đây nêu đúng kiểu dữ liệu của *a*?

A. *a* là câu lệnh rẽ nhánh.

B. *a* có kiểu dữ liệu xâu.

C. *a* có kiểu số thực.

D. *a* có kiểu dữ liệu danh sách.

Câu 39: Cho đoạn chương trình:

```
s="Em yêu trường em"
```

```
print(s.split())
```

Kết quả in lên màn hình khi chạy chương trình là

A. `['Em', 'yêu', 'trường', 'em']`.

B. `['Em', 'yêu', 'trường', 'em']`.

C. `[['Em', 'yêu', 'trường', 'em']]`.

D. `'Em', 'yêu', 'trường', 'em'`.

Câu 40: Cho đoạn chương trình sau:

```
b = int(input("nhập số nguyên b: "))
```

```
if b < 0:
```

```
    print(b*b*b)
```

```
else:
```

```
    print(b*b*b*b)
```

Khi chạy chương trình, nếu nhập *b* = 2 thì kết quả là

A. 4.

B. 10.

C. 2.

D. 16.

Câu 41: Cho đoạn chương trình Python sau:

```
ds = [ 1, 2, 3, "four", True ]
```

```
ds.insert(1,2)
```

Phương án nào sau đây nêu đúng độ dài của *ds* sau khi thực hiện các câu lệnh trên?

A. 3.

B. 5.

C. 6.

D. 12.

Câu 42: Trong Python, cho hàm sau:

```
def noname(x, y):  
    return x >= y
```

Phương án nào sau đây nêu đúng số lượng tham số đầu vào của hàm trên?

A. 2.

B. 1.

C. False.

D. True.

Câu 43: Cho hàm sau trong Python:

```
def myfn(a):
    s = 0
    for i in a:
        s = s + i
    return s
```

Phương án nào sau đây là kết quả khi gọi hàm bằng câu lệnh `print(myfn([1,2,3,4,-5]))`?

- A. 5 B. 15 C. 10 D. 12345

Câu 44: Cho hàm sau trong Python:

```
def noname(x,y):
    return x+y
print(noname(6,5))
```

Phương án nào sau đây là kết quả in ra màn hình khi thực hiện đoạn chương trình trên?

- A. 11 B. 6,5 C. 30 D. x, y

Câu 45: Trong Python, cho đoạn chương trình sau:

```
if 2>3:
    print(3)
```

Phương án nào sau đây là kết quả khi chạy đoạn chương trình trên?

- A. Thông báo lỗi. B. False.
C. Hello. D. True.

Câu 46: Trong Python, cho đoạn chương trình sau:

```
def noname(x,y):
    return x%y
print(noname(4,2))
```

Phương án nào sau đây là kết quả khi thực hiện đoạn chương trình trên?

- A. 0 B. 1 C. 2 D. 4

Câu 47: Lệnh nào sau đây dùng để nối các phần tử của danh sách thành chuỗi?

- A. `remove()`. B. `split()`. C. `join()`. D. `copy()`.

Câu 48: Cho đoạn chương trình sau:

```
def kq(name):
    s = "Tôi tên là: "
    s = s + name
    return s
```

`print(kq("Hong"))`

Kết quả của đoạn chương trình là

- A. Tôi tên là: Hong. B. Tôi tên là:.
C. Hong là tên tôi. D. Hong.

Câu 49: Cho đoạn chương trình sau trong Python:

```
a = []
for i in range(10):
    if i%2 == 0:
        a.append(i)
print(len(a))
```

Phương án nào sau đây là kết quả khi thực hiện đoạn chương trình trên?

A. 10

B. 9

C. 5

D. 11

Câu 50: Cho đoạn chương trình sau:

```
def f(x, y):  
    a = x + y  
    print(a)
```

Khi thực hiện lệnh `f(30,3)` thì kết quả của đoạn chương trình là

A. 3.

B. 30.

C. 33.

D. 12.

Câu 51: Trong Python, cho câu lệnh khởi tạo danh sách sau:

```
a = [1,2,3,2,4]
```

Phương án nào sau đây là câu lệnh dùng để đưa ra màn hình phần tử có giá trị là 3?

A. `print(a[4])`

B. `print(a[5])`

C. `print(a[3])`

D. `print(a[2])`

Câu 52: Cho biểu thức toán học sau:

$$\frac{-b + c}{2 * a}$$

Phương án nào sau đây là biểu thức đúng được viết trong Python?

A. `(-b+c)/(2*a)`

B. `(-b+c)/2*a`

C. `-b+c/2*a`

D. `-b+c/2/a`

Câu 53: Trong Python, mã lỗi ngoại lệ **SyntaxError** là

A. lỗi chỉ số vượt quá giới hạn trong danh sách.

B. lỗi kiểu dữ liệu.

C. lỗi chia cho 0.

D. lỗi cú pháp.

Câu 54: Trong Python, phương án nào sau đây **sai** khi nói về hàm?

A. Hàm luôn phải trả về giá trị bằng lệnh *return*.

B. Khi gọi hàm, các tham số được truyền thông qua đối số.

C. Khi viết hàm phải bắt đầu với từ khóa *def*.

D. Hàm không bắt buộc phải có tham số đầu vào.

Câu 55: Phương án nào là chức năng của đoạn chương trình sau?

```
a = 5  
b = 6  
a = a + b  
b = a - b  
a = a - b
```

A. Hoán đổi giá trị hai biến *a* và *b*.

B. Tính tổng hai biến *a* và *b*.

C. Tính hiệu hai biến *a* và *b*.

D. Gán giá trị của *a* cho *b*.

Câu 56: Hàm tính độ dài của chuỗi *s* hay số lượng các ký tự có trong chuỗi *s* là

A. `str(s)`.

B. `len(s)`.

C. `s.len()`.

D. `length(s)`.

Câu 57: Để khởi tạo chuỗi *s* lưu ký tự *b* lệnh đúng là

A. `s="b"`.

B. `s=["b"]`.

C. `s=b`.

D. `"b"=s`.

Câu 58: Cho đoạn chương trình sau trong Python :

```
def f(x,y):  
    a = 2*(x+y)  
    print(a*a)  
f(2,3)
```

Phương án nào sau đây là kết quả khi thực hiện đoạn chương trình trên ?

A. 10.

C. Chương trình thông báo lỗi.

B. 100.

D. 5.

Câu 59: Kiểu dữ liệu xâu trong Python là

A. int.

B. float.

C. str.

D. String.

Câu 60: Cho hàm sau trong Python:

```
def myfn(a):  
    s = 0  
    for i in a:  
        if i%2 == 0:  
            s = s + i  
    return s  
print(myfn([1,2,3,4,5]))
```

Phương án nào sau đây là kết quả khi thực hiện chương trình?

A. 10

B. 6

C. 15

D. 24

Câu 61: Trong Python, hàm

A. chỉ là các đoạn chương trình do người dùng tự định nghĩa.

B. chỉ là các đoạn chương trình có sẵn.

C. là đoạn chương trình thực hiện chức năng nào đó.

D. không được thay đổi.

Câu 62: Trong Python, phương án nào sau đây là câu lệnh khởi tạo danh sách có 3 phần tử?

A. ds = {1,2,3}

B. ds = {1,2,3}

C. ds = [2,3,1]

D. ds = [3]

Câu 63: Phương án nào là chức năng của đoạn chương trình sau?

```
ans = 1  
n = int(input())  
for i in range(1,n):  
    ans= ans * i  
print(ans)
```

A. Đưa ra màn hình tích các số từ 0 đến $n + 1$.

B. Đưa ra màn hình giá trị $(n - 1)!$.

C. Đưa ra màn hình tích các số từ 0 đến n .

D. Đưa ra màn hình giá trị $(n)!$.

Câu 64: Cho đoạn chương trình:

```
s=" 125789"  
kq=""  
for i in s:  
    if int(i)%3==0:  
        kq=kq + i  
print(kq)
```

Kết quả in lên màn hình khi chạy chương trình là

A. 160.

B. 9.

C. 175.

D. 13.

Câu 65: Cho câu lệnh trong Python sau:

```
a = 5.2
```

Phương án nào sau đây nêu đúng kiểu dữ liệu của a ?

A. a có kiểu dữ liệu danh sách.

B. a có kiểu dữ liệu xâu.

C. a có kiểu số thực.

D. a là câu lệnh rẽ nhánh.

Câu 66: Trong Python, cho danh sách a bằng câu lệnh sau:

```
a = [1,2,3,4,5]
```

Phương án nào là câu lệnh dùng để in giá trị ở giữa của danh sách *a*?

- A. `print(a[2])` B. `print(a[3])` C. `print(a[1])` D. `print(len(a))`

Câu 67: Cho đoạn chương trình Python sau:

```
ds = [1,2,3]
```

```
ds.insert(1,2)
```

Phương án nào sau đây nêu đúng độ dài của *ds* khi thực hai câu lệnh trên?

- A. 12. B. 5. C. 3. D. 4.

Câu 68: Cho đoạn chương trình Python sau:

```
a = [1,2,3]
for i in range(50):
    a.append(i)
print(len(a))
```

Phương án nào sau đây nêu đúng kết quả chạy chương trình?

- A. 53 B. 51 C. 52 D. 50

Câu 69: Trong Python, cho đoạn chương trình sau:

```
for i in a:
    print(i)
```

Phương án nào sau đây là mã lỗi ngoại lệ của đoạn chương trình trên?

- A. `NameError` – tên không tồn tại.
B. `IndentationError` – lỗi thụt đầu hàng không đúng vị trí.
C. `SyntaxError` – lỗi cú pháp.
D. `ValueError` – lỗi giá trị.

Câu 70: Trong Python, cho hàm sau:

```
def noname(x,y,z):
    return x + y + z
```

Phương án nào sau đây nêu đúng số lượng tham số đầu vào của hàm trên?

- A. 2. B. 1. C. 3. D. 4.

Câu 71: Trong Python, phương án nào sau đây **sai** khi nói về hàm?

- A. Hàm chỉ là các đoạn chương trình do người dùng tự định nghĩa.
B. Hàm là các đoạn chương trình được xây dựng sẵn hoặc do người dùng tự định nghĩa.
C. Trong hàm không bắt buộc phải sử dụng câu lệnh *return*.
D. Khi gọi hàm, các đối số được truyền vào thông qua giá trị.

Câu 72: Cho đoạn chương trình sau trong Python:

```
a = [1,2,3] + [1,2,3]
print(a)
```

Phương án nào là kết quả khi thực hiện chương trình trên?

- A. `[1,2,3]` B. `[1,1,2,2,3,3]` C. `[2,4,6]` D. `[1,2,3,1,2,3]`

Câu 73: Cho đoạn chương trình sau:

```
a, b = 0, 1
```

```
def f(a, b):
```

```
a = a * b
b = b // 2
return a - b
```

Khi thực hiện lệnh `f(5,2)` thì kết quả của đoạn chương trình là

- A. 2. B. 10. C. 5. D. 9.

Câu 74: Trong Python, cho đoạn chương trình sau:

```
def noname(x,y):
    return x % y
print(noname(7,3))
```

Phương án nào sau đây là kết quả khi thực hiện đoạn chương trình trên?

- A. 0 B. 1 C. 2 D. 4

Câu 75: Cho đoạn chương trình Python sau:

```
a = [1,2,3,4,5]
cnt = 1
for i in range(len(a)):
    if a[i]%3 == 0:
        cnt = cnt + 1
print(cnt)
```

Phương án nào là kết quả khi thực hiện đoạn chương trình trên?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 5

Câu 76: Lệnh `s.find(x)` cho kết quả là

- A. số nguyên xác định vị trí đầu tiên trong chuỗi x mà từ đó chuỗi s xuất hiện như một chuỗi con của chuỗi x.
B. vị trí xuất hiện cuối cùng của chuỗi x trong chuỗi s.
C. vị trí xuất hiện cuối cùng của chuỗi s trong chuỗi x.
D. số nguyên xác định vị trí đầu tiên trong chuỗi s mà từ đó chuỗi x xuất hiện như một chuỗi con của chuỗi s.

Câu 77: Trong python, cho câu lệnh sau:

```
print((6%3)/0)
```

Phương án nào đúng mã lỗi của câu lệnh trên?

- A. `IndexError` – lỗi vượt chỉ số phần tử.
B. `ZeroDivisionError` – lỗi chia cho 0.
C. `ValueError` – lỗi giá trị.
D. `IndentationError` – lỗi thụt đầu hàng không đúng vị trí.

Câu 78: Cho đoạn chương trình sau:

```
def ham(x):
    print("Trường THPT", x)
    return
```

Khi thực hiện lệnh `ham("X")` thì kết quả của đoạn chương trình là

- A. X Trường THPT. B. Trường THPT x.
C. x Trường THPT. D. Trường THPT X.

Câu 79: Cho đoạn chương trình Python:

```
def myfn(x):
    cnt = 0
    for i in x:
        if i >= 0:
            cnt = cnt + 1
    return cnt
```

Phương án nào là kết quả đúng khi thực hiện câu lệnh `print(myfn([1,-2,-3,4,5]))`?

- A. 3 B. 2 C. 6 D. 1

Câu 80: Cho đoạn chương trình Python sau:

```
def noname(x,y):  
    return x*y  
print(noname(4,2,3))
```

Phương án nào nêu đúng kết quả khi chạy chương trình?

- A. 8.
- B. Chương trình báo lỗi.
- C. 24.
- D. 9.

Câu 81: Trong Python, mã lỗi ngoại lệ SyntaxError là

- A. lỗi cú pháp.
- B. lỗi kiểu dữ liệu.
- C. lỗi vượt chỉ số của danh sách.
- D. lỗi chia cho 0.

Câu 82: Trong Python, cho đoạn chương trình sau :

```
def noname(x,y):  
    return x * y  
print(noname(7))
```

Phương án nào nêu đúng kết quả khi chạy chương trình?

- A. 49
- B. 7
- C. 7*y
- D. Chương trình báo lỗi.

Câu 83: Phương án nào là chức năng của đoạn chương trình sau?

```
a = 5  
b = 10  
a,b = a,a  
print(a,b)
```

- A. Hoán đổi giá trị hai biến a và b .
- B. Tính tổng hai biến a và b .
- C. Tính hiệu hai biến a và b .
- D. Gán giá trị của a cho b .

Câu 84: Cho đoạn chương trình sau trong Python:

```
a = []  
for i in range(10):  
    if i%2 == 1:  
        a.append(i)  
print(len(a))
```

Phương án nào sau đây là kết quả khi thực hiện đoạn chương trình trên?

- A. 10
- B. 9
- C. 5
- D. 11

Câu 85: Phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Hàm được xây dựng giúp người dùng không cần chỉnh sửa hàm đó.
- B. Hàm giúp bài toán được giải quyết nhanh hơn.
- C. Hàm được xây dựng giúp chia nhỏ bài toán lớn, hệ thống hóa chương trình.
- D. Trong chương trình có sử dụng hàm, người lập trình phải viết nhiều câu lệnh hơn.

Câu 86: Cho chuỗi $s1='ABC'$, chuỗi $s2='a'$. Khẳng định nào sau đây là **đúng**?

- A. Chuỗi $s1$ bằng chuỗi $s2$.
- B. Chuỗi $s2$ nhỏ hơn chuỗi $s1$.
- C. Chuỗi $s2$ lớn hơn chuỗi $s1$.
- D. Chuỗi $s2$ nhỏ hơn hoặc bằng chuỗi $s1$.

Câu 87: Cho đoạn chương trình sau:

```
def Chuvi(R):  
    pi = 3.14  
    print("S =",2*pi*R)
```

Khi thực hiện lệnh Chuvi(2) thì kết quả của đoạn chương trình là

A. 22.56.

B. 4.14.

C. 3.14.

D. 12.56.

Câu 88: Cho đoạn chương trình Python sau:

```
a = [2,3,1,3]
b = []
for i in range(len(a)):
    if i%2 == 0:
        b.append(a[i])
print(b)
```

Phương án nào là kết quả khi thực hiện đoạn chương trình trên?

A. [2,1]

B. [3,1,3]

C. [2]

D. [3,3]

Câu 89: Phương án nào là chức năng của đoạn chương trình sau?

```
ans = 1
n = int(input())
for i in range(1,n+1):
    ans = ans * i
print(ans)
```

A. Đưa ra màn hình giá trị $(n - 1)!$.B. Đưa ra màn hình giá trị $n!$.C. Đưa ra màn hình tích các số từ 0 đến n .D. Đưa ra màn hình tích các số từ 0 đến $n + 1$.

Câu 90: Cho $s1 = \text{"xyz"}$, $s2 = \text{"ababxzya"}$. Các biểu thức logic sau biểu thức nào cho kết quả là **False**?

A. $s1 \text{ in } s2$.B. $s1 + \text{"a"} \text{ in } s2$.C. $s1 + s1 \text{ in } s2$.D. $s2 \text{ in } s1$.

Câu 91: Biến bên trong hàm nếu không sử dụng từ khóa **global** thì

A. biến chỉ sử dụng được trong hàm đó.

B. thay đổi giá trị bên trong hàm giá trị bên ngoài thay đổi theo.

C. biến bên trong hàm không sử dụng được.

D. không nhận được giá trị bên ngoài hàm.

II. Tự luận

Câu 1. Viết chương trình nhập xâu từ bàn phím, in lên màn hình từ cuối cùng của xâu đã nhập dạng viết in hoa.

Ví dụ: “ THPT Châu Văn Liêm ”

kết quả trả ra màn hình là: “LIÊM”.

Câu 2. Viết chương trình nhập vào một xâu, in từ đầu và từ cuối của xâu đã nhập dạng in ra màn hình

Ví dụ: “Châu Văn Liêm ”

kết quả trả ra màn hình là:

từ đầu “Châu

từ cuối “Liêm”.

Câu 3. Viết chương trình nhập một xâu kí tự có thể có nhiều dấu cách giữa các từ. Sau đó chỉnh sửa xâu kí tự đó sao cho giữa các từ chỉ có một dấu cách. In xâu kết quả ra màn hình.

Ví dụ: “ THPT Châu Văn Liêm ”

kết quả trả ra màn hình là: “THPT Châu Văn Liêm”.

Câu 4. Nhập vào một xâu s có độ dài không quá 100 ký tự, trong xâu s bao gồm các ký tự từ ‘a’ đến ‘z’ và chữ số từ 0 đến 9. Đưa ra màn hình số lượng các ký tự có trong xâu

Ví dụ: “Năm 2024”

Kết quả in ra màn hình là: 4

Câu 5. Cho xâu s gồm các ký tự viết thường từ ‘a’ đến ‘z’ và các chữ số từ 0 đến 9. Viết chương trình nhập vào xâu s có độ dài không quá 100 ký tự, sau đó đưa ra màn hình số lượng các chữ số có trong xâu s vừa nhập.

Ví dụ: “Năm 2024”

Kết quả in ra màn hình là: 3

Câu 6. Viết chương trình với các yêu cầu sau:

4.1 Xây dựng hàm $kt(n)$ kiểm tra tính chia hết cho 3 của số nguyên n (n chia hết cho 3 return True, n không chia hết cho 3 return False).

4.2 Sử dụng hàm $kt(n)$ tính tổng các số chia hết cho 3 trong khoảng (1,200), in kết quả ra màn hình.

Câu 7. Viết hàm với đầu vào danh sách là A chứa các số và số thực x. Hàm trả lại một danh sách với kết quả B từ danh sách A bằng cách chỉ giữ lại các phần tử lớn hơn hoặc bằng x.

SGK Bài 28 nhiệm vụ 1 trang 139

Câu 8. Viết chương trình yêu cầu thực hiện lần hiện lần lượt các việc sau, mỗi việc cần thực hiện bởi một hàm.

6.1 Nhập từ bàn phím một dãy số nguyên, mỗi số cách nhau bởi dấu cách. Chuyển các số này vào danh sách A và in danh sách A ra màn hình.

6.2 Trích một danh sách A ra một danh sách B gồm các phần tử lớn hơn 0. In danh sách B ra màn hình.

6.3 Trích từ danh sách A ra một danh sách C gồm các phần tử nhỏ hơn 0. In danh sách C ra màn hình.

HD: Sách giáo khoa trang bài 28 nhiệm vụ 2 139

Câu 9. Viết chương trình nhập vào số nguyên n sau đó đưa ra màn hình các số nguyên tố có trong đoạn từ 2 đến n (n nhỏ hơn 100).

Câu 10. Viết chương trình nhập vào một danh sách các số nguyên dương. Sau đó đưa ra màn hình tổng các số chẵn ở vị trí lẻ (xem các phần tử có số thứ tự bắt đầu từ 1).

-----HẾT-----